



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời  
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh/Doanh nghiệp số**

1600192619

ngày 27 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 1600192619 ngày 21 tháng 11 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Huỳnh Văn Thòn  
Ông Nguyễn Mỹ

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
(đến ngày 30 tháng 10 năm 2018)

Ông Nguyễn Tiến Tùng  
Ông Võ Văn Á  
Bà Nguyễn Thị Âm  
Ông Phạm Thanh Thọ  
Ông Trần Quốc Thanh

Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(đến ngày 1 tháng 4 năm 2018)

Bà Thùy Vũ Dropsey

Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Huỳnh Văn Thòn  
Ông Nguyễn Mỹ

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
(đến ngày 13 tháng 9 năm 2018)

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Tiến Dũng  
Bà Lê Thu Hiền

Trưởng Ban Kiểm soát  
Phó Trưởng Ban Kiểm soát  
(đến ngày 1 tháng 1 năm 2018)

Bà Đinh Lê Nhật Hằng

Thành viên  
(từ ngày 29 tháng 6 năm 2018)

Ông Phan Bá Ngọc Phương

Thành viên  
(đến ngày 30 tháng 11 năm 2018)

Bà Võ Thị Thùy Tiên

Thành viên  
(đến ngày 3 tháng 5 năm 2018)

**Trụ sở đăng ký**

Số 23 Đường Hà Hoàng Hồ  
Phường Mỹ Xuyên  
Thành phố Long Xuyên  
Tỉnh An Giang  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Thôn  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-01159-19-2



Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2019

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>6.002.446.092.937</b>	<b>4.760.183.024.468</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>151.166.046.586</b>	<b>116.332.669.695</b>
Tiền	111		113.166.046.586	96.332.669.695
Các khoản tương đương tiền	112		38.000.000.000	20.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>27.301.568.917</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	14(a)	-	27.301.568.917
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.594.289.591.452</b>	<b>2.381.391.754.574</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.490.082.489.364	2.295.917.546.041
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		41.130.362.194	45.903.670.341
Phải thu về cho vay	135	7	20.000.000.000	
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	258.344.064.901	215.778.493.468
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(215.267.325.007)	(176.207.955.276)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>3.095.850.266.799</b>	<b>2.148.495.714.628</b>
Hàng tồn kho	141		3.097.603.898.917	2.148.631.301.113
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.753.632.118)	(135.586.485)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>161.140.188.100</b>	<b>86.661.316.654</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	4.337.889.151	9.149.380.709
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		156.375.635.655	76.499.361.366
Thuế phải thu Nhà nước	153	19(b)	426.663.294	1.012.574.579
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.705.255.155.341</b>	<b>1.827.441.775.033</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.445.498.242.546</b>	<b>1.556.364.683.082</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.127.988.147.310	1.204.747.263.983
Nguyên giá	222		1.851.024.414.044	1.798.011.170.942
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(723.036.266.734)	(593.263.906.959)
Tài sản cố định vô hình	227	12	317.510.095.236	351.617.419.099
Nguyên giá	228		329.545.642.511	358.779.139.181
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.035.547.275)	(7.161.720.082)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>98.069.262.745</b>	<b>109.612.294.436</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	98.069.262.745	109.612.294.436

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14(b)</b>	<b>35.552.926.922</b>	<b>33.185.650.000</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		35.350.926.922	32.983.650.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		202.000.000	202.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>126.134.723.128</b>	<b>128.279.147.515</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	108.546.186.927	111.695.869.353
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	17.341.039.132	16.273.906.826
Lợi thế thương mại	269	17	247.497.069	309.371.336
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>7.707.701.248.278</b>	<b>6.587.624.799.501</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>5.192.635.087.807</b>	<b>4.276.015.703.947</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.012.855.709.133</b>	<b>4.015.658.475.934</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.508.854.401.068	1.401.430.094.970
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.521.091.716	10.746.429.594
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19(a)	162.065.363.799	168.867.265.299
Phải trả người lao động	314		55.719.957.632	11.093.484.435
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	164.141.921.087	183.883.480.837
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	50.926.308.431	56.326.182.904
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	22(a)	3.000.025.220.303	2.145.831.642.711
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	46.601.445.097	37.479.895.184
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>179.779.378.674</b>	<b>260.357.228.013</b>
Phải trả dài hạn khác	337		1.380.000.000	1.590.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	22(b)	150.000.000.000	220.000.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	28.399.378.674	38.767.228.013

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

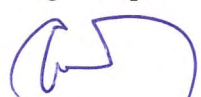
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.515.066.160.471</b>	<b>2.311.609.095.554</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>2.515.066.160.471</b>	<b>2.311.609.095.554</b>
Vốn cổ phần	411	26	805.933.400.000	671.611.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		278.073.000.000	278.073.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		900.453.276	738.394.795
Quỹ đầu tư phát triển	418		760.013.521.054	759.424.612.054
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		80.032.557.377	174.238.330.361
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		564.174.970.825	402.702.062.750
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		402.702.062.750	334.859.555.015
- Chi trả cổ tức	421a		(268.644.200.000)	(201.483.450.000)
- Trích lập và hoàn nhập các quỹ	421a		18.544.712.635	(144.961.800.532)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		411.572.395.440	414.287.758.267
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		25.938.257.939	24.821.195.594
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>7.707.701.248.278</b>	<b>6.587.624.799.501</b>

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Huyền Văn Thôn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2018**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>29</b>	<b>9.403.070.486.734</b>	<b>8.982.963.181.896</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>29</b>	<b>371.637.032.415</b>	<b>296.143.487.126</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>9.031.433.454.319</b>	<b>8.686.819.694.770</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>30</b>	<b>7.097.745.653.619</b>	<b>6.805.812.638.634</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.933.687.800.700</b>	<b>1.881.007.056.136</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	20.437.334.385	14.901.747.482
Chi phí tài chính	22	32	193.547.461.106	135.988.659.236
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>174.744.579.095</i>	<i>118.815.409.284</i>
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(1.058.558.078)	-
Chi phí bán hàng	25	33	865.833.329.358	938.417.231.431
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	349.487.047.959	311.146.910.793
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>544.198.738.584</b>	<b>510.356.002.158</b>
Thu nhập khác	31	35	21.759.731.581	19.753.722.469
Chi phí khác	32	36	17.008.656.929	2.961.864.164
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.751.074.652</b>	<b>16.791.858.305</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>548.949.813.236</b>	<b>527.147.860.463</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>38</b>	<b>135.931.081.456</b>	<b>111.491.710.472</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>38</b>	<b>(1.067.132.306)</b>	<b>1.173.740.465</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>414.085.864.086</b>	<b>414.482.409.526</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*


**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12**  
**năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)</b>	<b>60</b>		<b>414.085.864.086</b>	<b>414.482.409.526</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		411.572.395.440	414.287.758.267
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.513.468.646	194.651.259
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	4.341	4.370

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

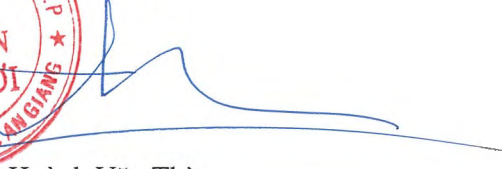
Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>548.949.813.236</b>	<b>527.147.860.463</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		146.754.142.349	136.205.684.873
Các khoản dự phòng	03		32.400.773.671	(8.598.745.787)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.517.813.387)	(797.035.559)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	05		886.360.507	1.189.260.797
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(3.221.567.478)	(3.966.439.767)
Phần lỗ trong công ty liên kết	05		1.058.558.078	-
Chi phí lãi vay	06		174.744.579.095	118.815.409.284
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>900.054.846.071</b>	<b>769.995.994.304</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(311.821.320.209)	(696.898.308.391)
Biến động hàng tồn kho	10		(948.972.597.804)	44.556.886.474
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		111.200.299.231	(45.669.999.376)
Biến động chi phí trả trước	12		16.030.821.232	23.927.619.162
			<b>(233.507.951.479)</b>	<b>95.912.192.173</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(172.653.858.474)	(111.128.308.562)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(121.000.464.885)	(59.106.674.048)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(68.153.369.717)	(88.534.132.630)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(595.315.644.555)</b>	<b>(162.856.923.067)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(76.462.647.173)	(85.761.970.575)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		43.223.843.563	18.784.936.832
Tiền chi cho vay	23		(20.000.000.000)	-
Tiền thu/(chi) cho tiền gửi ngân hàng có thời hạn, thuần	23		27.301.568.917	(2.301.568.917)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(3.425.835.000)	(32.983.650.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.732.219.527	3.422.836.329
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(25.630.850.166)</b>	<b>(98.839.416.331)</b>


*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

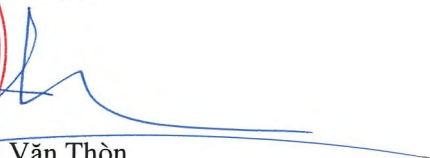
**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	31		-	2.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		7.367.495.815.682	5.861.724.293.592
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.583.767.238.090)	(5.474.627.612.186)
Tiền chi trả cổ tức cho chủ sở hữu của Công ty	36		(126.294.992.000)	(289.188.903.500)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36		(1.270.477.436)	(1.201.317.963)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>656.163.108.156</b>	<b>98.706.459.943</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>35.216.613.435</b>	<b>(162.989.879.455)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>116.332.669.695</b>	<b>278.935.723.403</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>(545.295.025)</b>	<b>24.412.911</b>
<b>Ảnh hưởng của quy đổi hoạt động ở nước ngoài</b>	<b>61</b>		<b>162.058.481</b>	<b>362.412.836</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>151.166.046.586</b>	<b>116.332.669.695</b>

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập:  
  
 Nguyễn Tân Hoàng  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:  
  
 Huỳnh Văn Thôn  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh thuốc trừ sâu; sản xuất và kinh doanh phân bón; và nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng; cung cấp dịch vụ trồng trọt; sản xuất giấy và bao bì từ giấy và bìa; sản xuất và bán buôn gạo, thực phẩm; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; xây dựng và kinh doanh bất động sản.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 14 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2018: 13 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		31/12/2018	1/1/2018
<b>Công ty con</b>			
Công ty Bảo vệ thực vật An Giang – Campuchia	Kinh doanh thuốc trừ sâu	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (*)	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền (*)	Sản xuất và kinh doanh phân bón	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời	Sản xuất và bán buôn cà phê	100%	100%
Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh	Nghiên cứu và sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao	76,51%	76,51%
Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa (*)	Trích ly dầu cám	60%	60%
Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc	Kinh doanh thuốc trừ sâu, phân bón và gạo	60%	60%
Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	50,44%	50,44%
Công ty Cổ phần Lộc Trời – Viên Thị	Nghiên cứu và sản xuất giống	51%	-
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Lion Agrevo	Kinh doanh thuốc trừ sâu	29,91%	29,91%
Công ty TNHH Thương Mại Quốc tế Viên Thị Lộc Trời Quảng Đông	Kinh doanh thuốc trừ sâu, phân bón và gạo	49%	-



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào các công ty này. Các công ty này đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 3.420 nhân viên (1/1/2018: 3.412 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **(a) Cơ sở hợp nhất**

#### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Công ty liên kết (đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Công ty liên kết là những đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Tỷ lệ trích lập dự phòng</b>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Đối với hợp đồng xây dựng, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các chi phí phát sinh cho các công trình xây dựng đang thực hiện mà doanh thu liên quan chưa được ghi nhận.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa	5 – 25 năm
máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất từ 30 năm đến 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí tiền thuê đất trả trước**

Chi phí tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 2 đến 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 10 năm.

**(ii) Chi phí bảo trì**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế định kỳ máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí nâng cấp được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc cổ phần hóa Công ty theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 19 tháng 7 năm 2004 và từ việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại khi mua lại công ty con là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*



**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Dự phòng chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công trình xây dựng và dịch vụ xây lắp máy đã thực hiện trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các dịch vụ tương tự.

**(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(n) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu phát hành được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(o) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn.

**(r) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

**(i) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm thực hiện các hoạt động phúc lợi xã hội.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được xác định dựa trên phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư thu được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(u) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(w) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(x) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Thuốc bảo vệ thực vật
- Lương thực – Gạo (bao gồm hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và hạt giống cây trồng cho nông dân do mục đích phát triển nguồn nguyên vật liệu cho hoạt động kinh doanh lương thực)
- Hạt giống cây trồng
- Bao bì
- Xây dựng

	Thuốc bảo vệ thực vật		Lương thực – Gạo		Hạt giống cây trồng		Bao bì		Xây dựng		Loại trừ		Hợp nhất	
	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	4.750.952.368.097	5.157.146.521.536	3.190.255.215.920	2.532.824.867.734	832.760.369.074	782.343.104.118	154.534.529.862	151.920.272.330	102.930.971.366	62.584.929.052	-	-	9.031.433.454.319	8.686.819.694.770
Doanh thu giữa các bộ phận	304.141.617.551	197.222.133.252	2.823.871.906.371	2.702.246.279.814	70.059.323.746	56.713.942.991	24.192.608.303	15.353.045.681	3.760.106.761	4.023.616.277	(3.226.025.562.732)	(2.975.559.018.015)	-	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>5.055.093.985.648</b>	<b>5.354.368.654.788</b>	<b>6.014.127.122.291</b>	<b>5.235.071.147.548</b>	<b>902.819.692.820</b>	<b>839.057.047.109</b>	<b>178.727.138.165</b>	<b>167.273.318.011</b>	<b>106.691.078.127</b>	<b>66.608.545.329</b>	<b>(3.226.025.562.732)</b>	<b>(2.975.559.018.015)</b>	<b>9.031.433.454.319</b>	<b>8.686.819.694.770</b>
Lợi nhuận gộp của bộ phận	1.491.179.355.708	1.540.001.247.050	219.314.090.185	120.135.673.007	184.659.774.022	174.627.548.099	25.797.420.611	29.242.265.633	14.131.926.610	14.370.022.778	(1.394.766.436)	2.630.299.569	1.933.687.800.700	1.881.007.056.136
Chi phí không phân bổ, thuần													(1.389.489.062.116)	(1.370.651.053.978)
Lợi nhuận thuần từ các hoạt động kinh doanh													544.198.738.584	510.356.002.158
Thu nhập khác không phân bổ													21.759.731.581	19.753.722.469
Chi phí khác không phân bổ													(17.008.656.929)	(2.961.864.164)
Thuế thu nhập doanh nghiệp không phân bổ													(134.863.949.150)	(112.665.450.937)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b>													<b>414.085.864.086</b>	<b>414.482.409.526</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Thuốc bảo vệ thực vật		Lương thực – Gạo		Hạt giống cây trồng		Bao bì		Xây dựng		Hợp nhất	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản của bộ phận	4.052.398.614.024	3.581.881.041.376	2.427.951.946.264	1.985.165.901.043	694.863.799.715	643.874.807.809	146.176.628.602	147.391.331.848	48.998.541.972	40.815.732.126	7.370.389.530.577	6.399.128.814.202
Tài sản không phân bổ											337.311.717.701	188.495.985.299
<b>Tổng tài sản</b>											<b>7.707.701.248.278</b>	<b>6.587.624.799.501</b>
Nợ phải trả của bộ phận	1.050.630.862.528	1.027.127.243.827	406.166.403.118	355.645.317.928	161.908.053.527	147.868.450.020	32.178.640.987	27.554.773.715	19.959.820.975	13.545.482.876	1.670.843.781.135	1.571.741.268.366
Nợ phải trả không phân bổ											3.521.791.306.672	2.704.274.435.581
<b>Tổng nợ phải trả</b>											<b>5.192.635.087.807</b>	<b>4.276.015.703.947</b>
	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Chi tiêu vốn	21.178.815.901	57.207.553.986	34.543.687.376	14.910.348.126	14.593.207.887	8.615.499.820	2.766.808.815	3.070.669.068	3.380.127.194	1.957.899.575	76.462.647.173	85.761.970.575
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	43.790.866.309	34.884.099.377	71.401.099.480	71.024.275.124	14.312.960.703	14.089.132.925	9.636.645.069	9.906.312.014	2.651.825.988	2.811.470.618	141.793.397.549	132.715.290.058
Khấu hao tài sản cố định vô hình và lợi thế thương mại	1.772.538.549	988.523.548	3.007.626.837	2.331.715.240	108.281.760	108.281.760	-	-	72.297.654	61.874.267	4.960.744.800	3.490.394.815

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Doanh thu của Tập đoàn được phân chia theo khu vực địa lý (vị trí địa lý của khách hàng) như sau:

	Việt Nam		Châu Á (trừ Việt Nam)		Các khu vực khác		Hợp nhất	
	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	7.235.172.651.793	7.579.504.845.429	1.625.355.564.306	1.020.588.915.925	170.905.238.220	86.725.933.416	9.031.433.454.319	8.686.819.694.770
Chi tiêu vốn không phân bổ							76.462.647.173	85.761.970.575
	Việt Nam	Châu Á (trừ Việt Nam)	Các vùng khác	Hợp nhất				
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản của bộ phận không phân bổ	-	-	-	-	-	-	7.707.701.248.278	6.587.624.799.501



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	12.538.739.355	22.751.312.483
Tiền gửi ngân hàng	100.627.307.231	73.477.849.212
Tiền đang chuyển	-	103.508.000
Các khoản tương đương tiền	38.000.000.000	20.000.000.000
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>	<b>151.166.046.586</b>	<b>116.332.669.695</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có khoản tiền gửi ngân hàng được thế chấp cho các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (1/1/2018: 8.451 triệu VND) (Thuyết minh 22(b)).

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	95.718.382.500	-
Medalla Rice Mill	46.099.186.250	13.987.740.000
Salasar Impex Ltd	22.237.764.575	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thanh Yên	20.726.445.650	6.059.387.800
Nguyễn Thị Kim Phượng	19.922.824.248	10.696.958.718
Các khách hàng khác	2.285.377.886.141	2.265.173.459.523
	<b>2.490.082.489.364</b>	<b>2.295.917.546.041</b>

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Lion Agrevo	11.718.126.997	-

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời thể thu được trong thời hạn từ 60 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu về cho vay**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Lion Agrevo – một công ty liên kết	20.000.000.000	-

Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 6 tháng và hưởng lãi suất năm là 6%.

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ chiết khấu mua hàng được hưởng	122.990.352.919	98.101.045.899
Tạm ứng cho người lao động	54.684.725.823	48.051.486.159
Phải thu Nhà nước từ cổ phần hóa	13.148.729.781	13.148.729.781
Phải thu hỗ trợ từ đối tác	4.865.718.182	8.872.911.819
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.466.886.377	2.308.454.530
Phải thu lãi tiền gửi	32.951.389	543.603.438
Phải thu khác	59.154.700.430	44.752.261.842
	<b>258.344.064.901</b>	<b>215.778.493.468</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2018				1/1/2018			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
▪ Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Trên 3 năm	9.587.763.755	(9.587.763.755)	-	Trên 3 năm	9.602.557.225	(6.590.690.058)	3.011.867.167
▪ Nguyễn Minh Hùng	Trên 3 năm	9.431.443.002	(9.431.443.002)	-	Trên 3 năm	11.231.443.002	(11.231.443.002)	-
▪ Công ty TNHH Thiên Thủy Dương	Trên 3 năm	7.149.945.350	(7.149.945.350)	-	Trên 3 năm	7.149.945.350	(7.149.945.350)	-
▪ Lê Tam Quốc	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.125.487.847)	150.000.000	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.125.487.847)	150.000.000
▪ Đinh Thị Phương	Trên 3 năm	9.318.582.005	(6.710.707.165)	2.607.874.840	Trên 3 năm	9.318.582.005	(6.733.082.005)	2.585.500.000
▪ Võ Văn Nam	Trên 3 năm	6.680.573.077	(6.680.573.077)	-	Trên 3 năm	6.700.573.077	(6.700.573.077)	-
▪ Nguyễn Văn Thao	Trên 3 năm	5.618.309.205	(5.198.309.205)	420.000.000	Trên 3 năm	5.618.309.205	(5.198.309.205)	420.000.000
▪ Nguyễn Quốc Hùng	Trong vòng 1 năm	5.540.497.360	(5.540.497.360)	-		-	-	-
▪ Nguyễn Văn Trung	Trên 3 năm	4.565.176.319	(4.565.176.319)	-	Từ 2 đến 3 năm	4.565.176.319	(3.195.623.423)	1.369.552.896
▪ Công ty TNHH Tân Sáng	Trên 3 năm	7.143.944.255	(4.146.582.766)	2.997.361.489	Trên 3 năm	7.571.750.525	(2.831.539.650)	4.740.210.875
▪ Các khách hàng khác	Trên 6 tháng	318.217.367.080	(149.130.839.161)	169.086.527.919	Trên 6 tháng	288.630.122.505	(119.451.261.659)	169.178.860.846
		390.529.089.255	(215.267.325.007)	175.261.764.248		357.663.947.060	(176.207.955.276)	181.455.991.784

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	176.207.955.276	151.672.706.832
Trích lập dự phòng trong năm	54.469.256.926	35.920.828.113
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(15.409.887.195)	(11.385.579.669)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	215.267.325.007	176.207.955.276
	<hr/>	<hr/>

**10. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	26.008.322.764	-	40.577.445.600	-
Nguyên vật liệu	847.764.910.648	-	472.708.936.696	-
Công cụ và dụng cụ	5.036.522.201	-	6.981.242.746	-
Sản phẩm dở dang	20.940.946.668	-	22.578.145.470	-
Thành phẩm	696.324.958.762	(1.753.632.118)	376.521.472.178	(135.586.485)
Hàng hóa	1.485.830.080.027	-	1.215.033.240.683	-
Hàng gửi đi bán	15.698.157.847	-	14.230.817.740	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	3.097.603.898.917	(1.753.632.118)	2.148.631.301.113	(135.586.485)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 4.063 triệu VND thành phẩm (1/1/2018: 304 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số dư hàng tồn kho chi tiết theo bộ phận kinh doanh như sau:

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nguyên vật liệu</b>		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	404.341.499.909	281.884.582.460
▪ Lương thực – Gạo	398.707.153.915	158.984.855.564
▪ Hạt giống cây trồng	28.797.367.989	14.168.065.435
▪ Bao bì	14.066.718.017	15.527.410.536
▪ Xây dựng	1.852.170.818	2.144.022.701
	<b>847.764.910.648</b>	<b>472.708.936.696</b>
<b>Thành phẩm</b>		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	193.694.600.444	50.202.006.540
▪ Lương thực – Gạo	331.591.222.190	185.363.404.384
▪ Hạt giống cây trồng	156.591.118.183	129.876.584.952
▪ Bao bì	5.961.352.312	4.855.201.412
▪ Xây dựng	6.733.033.515	6.088.688.405
	<b>694.571.326.644</b>	<b>376.385.885.693</b>
<b>Hàng hóa</b>		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	1.476.917.589.246	1.205.619.120.897
▪ Lương thực – Gạo	155.664.460	-
▪ Hạt giống cây trồng	8.756.826.321	9.271.126.669
▪ Xây dựng	-	142.993.117
	<b>1.485.830.080.027</b>	<b>1.215.033.240.683</b>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	135.586.485	23.057.441.417
Trích lập dự phòng trong năm	1.753.632.118	134.028.485
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(135.586.485)	(23.055.883.417)
	<b>1.753.632.118</b>	<b>135.586.485</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	763.997.158.799	706.937.007.275	299.581.422.184	27.495.582.684	1.798.011.170.942
Tăng trong năm	1.284.185.042	21.593.248.543	4.901.089.617	2.796.456.731	30.574.979.933
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	17.411.696.238	22.209.474.557	426.438.496	5.226.049.062	45.273.658.353
Phân loại lại	-	2.711.896.198	(1.416.128.151)	(1.295.768.047)	-
Thanh lý	-	(13.743.277.468)	(6.084.003.627)	(496.917.075)	(20.324.198.170)
Xóa sổ	(1.367.585.758)	(1.143.611.256)	-	-	(2.511.197.014)
Số dư cuối năm	781.325.454.321	738.564.737.849	297.408.818.519	33.725.403.355	1.851.024.414.044
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	159.610.402.783	258.697.083.474	159.232.624.219	15.723.796.483	593.263.906.959
Khấu hao trong năm	41.964.558.721	63.865.720.947	32.304.176.864	3.658.941.017	141.793.397.549
Phân loại lại	-	977.405.142	(649.058.736)	(328.346.406)	-
Thanh lý	-	(6.618.137.267)	(3.711.221.533)	(419.051.411)	(10.748.410.211)
Xóa sổ	(352.375.257)	(920.252.306)	-	-	(1.272.627.563)
Số dư cuối năm	201.222.586.247	316.001.819.990	187.176.520.814	18.635.339.683	723.036.266.734
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	604.386.756.016	448.239.923.801	140.348.797.965	11.771.786.201	1.204.747.263.983
Số dư cuối năm	580.102.868.074	422.562.917.859	110.232.297.705	15.090.063.672	1.127.988.147.310



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá 131.825 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 100.394 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có tài sản cố định hữu hình nào được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2018: 708.279 triệu VND) (Thuyết minh 22(b)).

## 12. Tài sản cố định vô hình

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	347.157.368.695	11.621.770.486	358.779.139.181
Tăng trong năm	1.414.652.830	-	1.414.652.830
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.672.740.500	2.672.740.500
Thanh lý	(33.320.890.000)	-	(33.320.890.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>315.251.131.525</b>	<b>14.294.510.986</b>	<b>329.545.642.511</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.908.914.194	4.252.805.888	7.161.720.082
Khấu hao trong năm	3.230.092.632	1.668.777.901	4.898.870.533
Thanh lý	(25.043.340)	-	(25.043.340)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.113.963.486</b>	<b>5.921.583.789</b>	<b>12.035.547.275</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	344.248.454.501	7.368.964.598	351.617.419.099
Số dư cuối năm	309.137.168.039	8.372.927.197	317.510.095.236

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 1.989 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 1.911 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 các tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 24.810 triệu VND (1/1/2018: 24.810 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu phát hành bởi Tập đoàn (Thuyết minh 22(b)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	109.612.294.436	176.300.536.749
Tăng trong năm	44.473.014.410	62.668.313.480
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(45.273.658.353)	(99.442.159.299)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.672.740.500)	(20.082.899.058)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(8.069.647.248)	(9.831.497.436)
	98.069.262.745	109.612.294.436

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà máy sản xuất gạo	66.245.974.664	54.176.704.507
Hệ thống máy ủ hạt giống	18.283.981.534	18.211.925.120
Nâng cấp các trại sản xuất giống	9.286.249.696	4.149.040.698
Nhà máy chế biến hạt giống Trảng Bàng	646.294.486	646.294.486
Nhà máy thuốc Châu Thành	35.344.000	13.461.274.712
Nhà máy sản xuất phân bón Ân Thịnh Điền	-	2.592.735.754
Các dự án khác	3.571.418.365	16.374.319.159
	98.069.262.745	109.612.294.436

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có xây dựng cơ bản dở dang nào được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (1/1/2018: 54.176 triệu VND) (Thuyết minh 22(b)).

**14. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng. Các khoản tiền gửi này hưởng lãi suất năm từ 8% đến 8,5% trong năm (2017: 8,7% đến 9%). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền gửi này đã được thu hồi toàn bộ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	31/12/2018			1/1/2018		
		Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào các công ty liên kết</b>							
Công ty Cổ phần Lion Agrevo	29,91%	32.983.650.000	32.990.737.694	(*)	32.983.650.000	32.983.650.000	(*)
Công ty TNHH Thương Mại Quốc tế Viên Thị Lộc Trời Quảng Đông	49%	3.425.835.000	2.360.189.228	(*)	-	-	(*)
		36.409.485.000	35.350.926.922		32.983.650.000	32.983.650.000	
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>							
Các đơn vị khác		202.000.000	-	(*)	202.000.000	-	(*)

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	32.983.650.000	-
Đầu tư trong năm	3.425.835.000	32.983.650.000
Phần lỗ được chia trong năm	(1.058.558.078)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>35.350.926.922</b>	<b>32.983.650.000</b>

**15. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Phí bảo hiểm trả trước	550.457.217	475.060.866
Chi phí thuê hoạt động trả trước	1.342.634.114	2.610.068.141
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.444.797.820	6.064.251.702
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.337.889.151</b>	<b>9.149.380.709</b>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí tiền thuê</b> <b>đất trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Công cụ và</b> <b>dụng cụ</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí</b> <b>bảo trì</b> <b>VND</b>	<b>Khác</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	56.583.431.377	40.680.462.886	7.660.118.871	6.771.856.219	111.695.869.353
Tăng trong năm	1.446.019.000	18.546.762.406	4.721.148.374	1.508.109.480	26.222.039.260
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.756.294.616	4.973.985.060	339.367.572	8.069.647.248
Phân bổ trong năm	(4.337.163.290)	(24.591.487.758)	(5.759.566.336)	(2.753.151.550)	(37.441.368.934)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>53.692.287.087</b>	<b>37.392.032.150</b>	<b>11.595.685.969</b>	<b>5.866.181.721</b>	<b>108.546.186.927</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>			
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	20%	10.149.737.050	7.120.894.507
Dự phòng trợ cấp thôi việc	20%	5.670.208.250	7.719.822.269
Lãi chưa thực hiện	20%	1.521.093.832	1.433.190.050
		<b>17.341.039.132</b>	<b>16.273.906.826</b>

**17. Lợi thế thương mại**

	<b>VND</b>
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm/cuối năm	10.618.742.671
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	10.309.371.335
Khấu hao trong năm	61.874.267
Số dư cuối năm	10.371.245.602
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu năm	309.371.336
Số dư cuối năm	247.497.069



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>31/12/2018</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	1.185.224.222.968	1.109.023.140.120
Eastchem Co., Ltd	19.342.738.000	48.266.758.030
Các nhà cung cấp khác	304.287.440.100	244.140.196.820
	1.508.854.401.068	1.401.430.094.970

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>31/12/2018</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>Giá gốc/Số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Lion Agrevo	4.431.672.000	-
	4.431.672.000	-

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong thời hạn từ 60 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2018 VND</b>	<b>Số phải nộp trong năm VND</b>	<b>Số đã cân trừ trong năm VND</b>	<b>Số đã nộp trong năm VND</b>	<b>Phân loại VND</b>	<b>31/12/2018 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	42.714.709.584	648.654.594.835	(612.711.159.519)	(124.253.227.039)	46.321.071.752	725.989.613
Thuế thu nhập doanh nghiệp	110.167.276.704	135.931.081.456	-	(121.000.464.885)	101.062.394	125.198.955.669
Thuế thu nhập cá nhân	14.404.401.955	26.736.396.685	-	(19.479.120.365)	(7.098.385)	21.654.579.890
Các loại thuế khác	1.580.877.056	33.219.844.876	-	(19.635.008.011)	(679.875.294)	14.485.838.627
	<b>168.867.265.299</b>	<b>844.541.917.852</b>	<b>(612.711.159.519)</b>	<b>(284.367.820.300)</b>	<b>45.735.160.467</b>	<b>162.065.363.799</b>

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2018 VND</b>	<b>Phân loại VND</b>	<b>31/12/2018 VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	282.834.126	101.062.394	383.896.520
Thuế thu nhập cá nhân	7.098.385	(7.098.385)	-
Thuế xuất nhập khẩu	722.642.068	(679.875.294)	42.766.774
	<b>1.012.574.579</b>	<b>(585.911.285)</b>	<b>426.663.294</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khuyến mãi bán hàng phải trả cho đại lý	130.014.329.941	160.864.639.300
Chi phí lãi vay	12.780.868.854	10.690.148.233
Chi phí hội nghị khách hàng	3.729.540.000	572.500.000
Hoa hồng môi giới	3.286.437.000	6.063.363.100
Phí nhượng quyền thương mại	2.501.883.512	2.988.616.200
Chi phí phải trả khác	11.828.861.780	2.704.214.004
	<hr/>	<hr/>
	164.141.921.087	183.883.480.837
	<hr/>	<hr/>

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả của Công ty	33.575.829.500	25.548.521.500
Cổ tức phải trả của các công ty con	14.368.230	-
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	7.643.749.977	12.189.499.087
Bảo hiểm y tế, xã hội và thất nghiệp phải trả	1.718.061.113	2.577.410.667
Phải trả ngắn hạn khác	7.974.299.611	16.010.751.650
	<hr/>	<hr/>
	50.926.308.431	56.326.182.904
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Các khoản vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn và dài hạn**

**(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn**

	1/1/2018	Biến động trong năm			31/12/2018
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.072.254.142.711	7.367.495.815.682	(6.510.189.738.090)	465.000.000	2.930.025.220.303
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	73.577.500.000	-	(73.577.500.000)	-	-
Trái phiếu thường đáo hạn trong vòng 12 tháng (b)	-	70.000.000.000	-	-	70.000.000.000
	2.145.831.642.711	7.437.495.815.682	(6.583.767.238.090)	465.000.000	3.000.025.220.303

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn còn số dư như sau:

<b>Bên cho vay</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	VND	327.829.756.509	193.695.074.498
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(ii)	VND	318.144.803.176	163.155.986.045
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)	(iii)	VND	337.945.487.155	147.940.410.286
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(iv)	VND	201.000.000.000	275.056.743.794
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(v)	VND	355.748.752.056	335.104.142.931
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(vi)	VND	98.281.755.013	235.433.811.896
Ngân hàng Mizuho Corporate Bank Ltd, Chi nhánh Hà Nội	(vii)	USD	603.590.000.000	227.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Kỳ Đồng	(viii)	VND	674.306.768.674	317.810.194.837
Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(ix)	VND	12.987.897.720	124.278.479.394
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang	(x)	VND	-	52.589.299.030
Quỹ Công đoàn		VND	190.000.000	190.000.000
			<b>2.930.025.220.303</b>	<b>2.072.254.142.711</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này, có hạn mức là 19,9 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 5,7% (1/1/2018: từ 3,9% đến 4,8%).
- (ii) Khoản vay này, có hạn mức là 15 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 4% đến 6% (1/1/2018: 4,6%).
- (iii) Khoản vay này, có hạn mức là 15 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 4,2% đến 5,7% (1/1/2018: từ 3,9% đến 4%).
- (iv) Khoản vay này, có hạn mức là 800 tỷ VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 5,5% (1/1/2018: 5,3%).
- (v) Khoản vay này, có hạn mức là 500 tỷ VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 5,3% đến 5,7% (1/1/2018: từ 5,3% đến 5,5%).
- (vi) Khoản vay này, có hạn mức là 500 tỷ VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 5,2% (1/1/2018: 4,8%).
- (vii) Khoản vay này, có hạn mức là 40 triệu VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 2,8% (1/1/2018: 2,5%).
- (viii) Khoản vay này, có hạn mức là 700 tỷ VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm từ 5,5% đến 6,5% (1/1/2018: 5,1%).
- (ix) Khoản vay này, có hạn mức là 25 triệu USD hoặc số tiền tương đương bằng VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 5,5% (1/1/2018: từ 5,1% đến 5,5%).
- (x) Khoản vay này, có hạn mức là 100 tỷ VND, không có tài sản bảo đảm và chịu lãi suất năm là 5,5% (1/1/2018: 4,8%). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.

**(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	-	73.577.500.000
Trái phiếu thường (ii)	220.000.000.000	220.000.000.000
	220.000.000.000	293.577.500.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(70.000.000.000)	(73.577.500.000)
	150.000.000.000	220.000.000.000
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	150.000.000.000	220.000.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

<b>Bên cho vay</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
Standard Chartered Bank (Mauritius) Limited (*)	USD	2018	4,5% - 4,8%	-	52.777.500.000
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Bank (Việt Nam), Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**)	VND	2018	8,2%	-	20.800.000.000
				-	73.577.500.000

(\*) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 34 triệu USD và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có khoản tiền gửi ngân hàng của tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Tập đoàn được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay này (1/1/2018: 8.451 triệu VND) (Thuyết minh 5) và không có động sản thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con bên dưới được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay này (1/1/2018: 384.953 triệu VND):

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng;
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc; và
- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An.

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

(\*\*) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20,8 tỷ VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có khoản tiền gửi ngân hàng của tài khoản Thu Tiền Xuất Khẩu và tài khoản Dự Trữ Trả Nợ của Tập đoàn cùng với khoản vay (\*) nêu trên được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay này và không có bất động sản (1/1/2018: 372.603 triệu VND) thuộc về nhà máy xay gạo hiện đang vận hành và nhà máy hình thành trong tương lai của các công ty con trong danh sách nêu ở khoản vay (\*) được thế chấp để bảo đảm cho khoản vay này.

Khoản vay này chịu lãi suất năm bằng chi phí huy động vốn của ngân hàng cộng 3,5%, có thời gian ân hạn 1 năm và được trả hàng quý và kỳ cuối cùng được trả vào năm 2018.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Điều khoản và điều kiện của trái phiếu phát hành theo mệnh giá

	<b>Loại tiền</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>Trái phiếu được phát hành cho:</b>				
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	2020	140.000.000.000	140.000.000.000
▪ Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	VND	2020	72.000.000.000	72.000.000.000
▪ Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam)	VND	2020	8.000.000.000	8.000.000.000
			220.000.000.000	220.000.000.000
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng			(70.000.000.000)	-
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng			150.000.000.000	220.000.000.000

Các trái phiếu được bảo đảm bằng các tài sản cố định vô hình của Công ty với giá trị ghi sổ là 24.810 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 24.810 triệu VND) (Thuyết minh 12). Các trái phiếu này chịu lãi suất năm 8,2% cho năm đầu tiên và lãi suất huy động biên của ngân hàng cộng 2,5% cho các năm tiếp theo. Tiền lãi được trả định kỳ 6 tháng.

### 23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Số dư đầu năm	37.479.895.184	47.908.590.719
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 25)	62.233.939.000	52.376.658.000
Sử dụng quỹ trong năm	(53.112.389.087)	(62.805.353.535)
Số dư cuối năm	46.601.445.097	37.479.895.184

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	<b>Dự phòng bảo hành xây dựng và xây lắp VND</b>	<b>Dự phòng trợ cấp thôi việc VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	168.116.671	38.599.111.342	38.767.228.013
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(2.091.207.646)	(2.091.207.646)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(119.779.247)	(8.156.862.446)	(8.276.641.693)
Số dư cuối năm	48.337.424	28.351.041.250	28.399.378.674

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	671.611.500.000	278.073.000.000	375.981.959	685.861.374.028	179.556.267.456	334.859.555.015	25.674.134.783	2.176.011.813.241
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	414.287.758.267	194.651.259	414.482.409.526
Trích lập các quỹ	-	-	-	73.563.238.026	20.410.842.000	(92.744.947.348)	(1.229.132.678)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(52.216.853.184)	(159.804.816)	(52.376.658.000)
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài	-	-	362.412.836	-	-	-	-	362.412.836
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(201.483.450.000)	(1.658.652.954)	(203.142.102.954)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(25.728.779.095)	-	-	(25.728.779.095)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	671.611.500.000	278.073.000.000	738.394.795	759.424.612.054	174.238.330.361	402.702.062.750	24.821.195.594	2.311.609.095.554
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (Thuyết minh 27)	134.321.900.000	-	-	-	-	(134.321.900.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	411.572.395.440	2.513.468.646	414.085.864.086
Trích lập các quỹ	-	-	-	588.909.000	12.000.000.000	(12.588.909.000)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(62.122.378.365)	(111.560.635)	(62.233.939.000)
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài	-	-	162.058.481	-	-	-	-	162.058.481
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	(134.322.300.000)	(1.284.845.666)	(135.607.145.666)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(12.949.772.984)	-	-	(12.949.772.984)
Hoàn nhập các quỹ (*)	-	-	-	-	(93.256.000.000)	93.256.000.000	-	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	805.933.400.000	278.073.000.000	900.453.276	760.013.521.054	80.032.557.377	564.174.970.825	25.938.257.939	2.515.066.160.471

(\*) Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 29 tháng 6 năm 2018 đã quyết định hoàn nhập các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu vào lợi nhuận chưa phân phối.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	80.593.340	805.933.400.000	67.161.150	671.611.500.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	80.593.340	805.933.400.000	67.161.150	671.611.500.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	80.593.340	805.933.400.000	67.161.150	671.611.500.000

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần của Nhà nước	19.465.920	194.659.200.000	16.221.600	162.216.000.000
Vốn cổ phần của Marina Viet Pte. Ltd.	20.317.183	203.171.830.000	16.930.986	169.309.860.000
Vốn cổ phần của Standard Chartered Singapore	6.592.685	65.926.850.000	5.493.904	54.939.040.000
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	34.217.552	342.175.520.000	28.514.660	285.146.600.000
	80.593.340	805.933.400.000	67.161.150	671.611.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	2018		2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm	13.432.190	134.321.900.000	-	-
Số dư cuối năm	80.593.340	805.933.400.000	67.161.150	671.611.500.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 29 tháng 6 năm 2018 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2017 bao gồm cổ tức bằng tiền là 134.322 triệu VND, tương đương 2.000 VND cho một cổ phiếu và cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 20%, tương đương 134.322 triệu VND (2017: cổ tức bằng tiền là 201.483 triệu VND, tương đương 3.000 VND cho một cổ phiếu).

**28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê tài sản**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	9.726.480.549	8.289.893.489
Trong vòng 2 đến 5 năm	31.313.367.485	11.061.142.875
Sau 5 năm	22.319.994.093	50.244.847.200
	63.359.842.127	69.595.883.564

**(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>Đơn vị</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
Gạo	Tấn	10.006	-
		10.006	-

**(c) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
▪ USD	1.546.021	35.890.867.068	697.295	15.828.608.758
▪ EUR	145	3.820.048	145	3.922.093
		35.894.687.116		15.832.530.851

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.671.083.500	17.247.877.065
	1.671.083.500	17.247.877.065

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu từ việc bán hàng:		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	5.049.884.181.794	5.410.184.597.386
▪ Lương thực – Gạo	3.203.101.403.734	2.536.236.583.384
▪ Hạt giống cây trồng	883.895.415.724	812.182.214.973
▪ Bao bì	154.534.529.862	151.943.069.330
▪ Xây dựng	102.975.153.184	62.584.929.052
▪ Khác	8.679.802.436	9.831.787.771
	9.403.070.486.734	8.982.963.181.896
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(346.682.844.315)	(282.189.412.215)
▪ Hàng bán bị trả lại	(24.951.179.140)	(13.947.324.911)
▪ Giảm giá hàng bán	(3.008.960)	(6.750.000)
	(371.637.032.415)	(296.143.487.126)
Doanh thu thuần	9.031.433.454.319	8.686.819.694.770

**30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	3.258.526.209.958	3.615.068.366.019
▪ Lương thực – Gạo	2.963.936.162.703	2.425.578.079.569
▪ Hạt giống cây trồng	647.218.568.761	606.919.018.582
▪ Bao bì	129.160.342.402	123.550.315.014
▪ Xây dựng	89.736.474.415	50.049.191.619
▪ Khác	7.549.849.747	7.569.522.763
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.618.045.633	(22.921.854.932)
	7.097.745.653.619	6.805.812.638.634

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	3.221.567.478	3.966.439.767
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	14.672.409.264	9.974.935.284
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.517.813.387	797.035.559
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.025.544.256	163.336.872
	<hr/>	<hr/>
	20.437.334.385	14.901.747.482
	<hr/>	<hr/>

**32. Chi phí tài chính**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	174.744.579.095	118.815.409.284
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	16.447.381.197	10.898.778.462
Chiết khấu thanh toán	1.714.234.428	279.578.618
Chi phí tài chính khác	641.266.386	5.994.892.872
	<hr/>	<hr/>
	193.547.461.106	135.988.659.236
	<hr/>	<hr/>

**33. Chi phí bán hàng**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí cho nhân viên	338.998.095.694	272.175.227.055
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	219.233.248.615	377.607.977.556
Chi phí hội nghị khách hàng và giao tế	69.718.643.044	78.249.426.301
Chi phí vận chuyển	73.912.952.198	51.174.554.683
Chi phí xuất khẩu	37.044.236.328	24.166.209.864
Công tác phí	45.319.825.761	43.517.786.986
Chi phí vật liệu bao bì	18.117.955.674	32.133.174.763
Khấu hao và phân bổ	13.831.648.266	14.159.347.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.281.079.995	28.815.294.516
Chi phí khác	18.375.643.783	16.418.232.687
	<hr/>	<hr/>
	865.833.329.358	938.417.231.431
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí cho nhân viên	179.166.433.444	166.039.919.737
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	39.059.369.731	24.535.248.444
Khấu hao và phân bổ	25.321.170.399	22.937.499.822
Chi phí giao tế	26.062.409.545	20.803.259.682
Công tác phí	12.108.281.252	13.027.305.256
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	6.263.241.000	6.873.635.077
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.475.662.227	5.512.715.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.288.861.203	25.553.894.148
Chi phí khác	23.741.619.158	25.863.432.880
	<b>349.487.047.959</b>	<b>311.146.910.793</b>

**35. Thu nhập khác**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Tiền hỗ trợ từ các đối tác	14.579.872.950	13.209.249.982
Thu nhập từ khuyến mãi bán hàng và hỗ trợ bán hàng	-	2.477.000
Hoàn nhập dự phòng bảo hành xây dựng và xây lắp	119.779.247	2.726.419.754
Thu nhập khác	7.060.079.384	3.815.575.733
	<b>21.759.731.581</b>	<b>19.753.722.469</b>

**36. Chi phí khác**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Tiền phạt thuế	12.087.399.326	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	886.360.507	1.189.260.797
Chi phí khác	4.034.897.096	1.772.603.367
	<b>17.008.656.929</b>	<b>2.961.864.164</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán	5.979.496.795.503	5.651.077.385.958
Chi phí nhân công và nhân viên	719.171.717.717	615.353.652.309
Chi phí khấu hao và phân bổ	146.754.142.349	136.205.684.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	612.004.249.799	595.791.467.765
Chi phí khác	200.041.301.642	313.588.570.455

**38. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	100.410.447.728	111.491.710.472
Dự phòng thiếu trong những năm trước	35.520.633.728	-
	135.931.081.456	111.491.710.472
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.067.132.306)	1.173.740.465
	134.863.949.150	112.665.450.937



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	548.949.813.236	527.147.860.463
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	109.789.962.647	105.429.572.092
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(1.128.168.826)	3.245.831.166
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.934.567.608	1.721.746.348
Thu nhập không chịu thuế	(397.490.326)	(547.112.496)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	1.234.153.369	5.506.303.229
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.631.372.489	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(6.783.242.443)	(2.690.889.402)
Ảnh hưởng của việc miễn thuế	(1,423,812,277)	-
Điều chỉnh khác (*)	(11.514.026.819)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước (*)	35.520.633.728	-
	134.863.949.150	112.665.450.937

(\*) Trong năm 2018, Cơ quan Thuế đã thực hiện thanh tra thuế tại Công ty cho bốn năm từ năm 2014 đến năm 2017 và đã phát hiện khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tăng thêm phát sinh từ các chi phí không được khấu trừ thuế bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ đã được ghi nhận trong chi phí. Theo đó, Công ty đã ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tăng thêm và điều chỉnh khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật Thuế Thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo Công văn số 6333/BTC-TCT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính, các công ty TNHH Một Thành Viên mới thành lập của Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư nếu thực tế đáp ứng các điều kiện ưu đãi đầu tư. Theo đó, thuế suất áp dụng đối với các công ty TNHH Một Thành Viên như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình và Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong thời gian 10 năm kể từ năm đầu hoạt động theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (“Nghị định 124”) của Chính phủ cho phép các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngoài ra, theo quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trên lợi nhuận tính thuế trong suốt thời gian hoạt động. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp thường niên từ năm 2015 trở đi.

Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu các công ty con này không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên các công ty con có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

- Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn, Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng và Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong thời gian 15 năm theo các điều khoản của luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 124 của Chính phủ cho phép các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Ngoài ra, theo quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ chế biến nông sản ở địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế trong suốt thời gian hoạt động. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp thường niên từ năm 2015 trở đi.

- Công ty TNHH Một Thành Viên Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong thời gian 10 năm kể từ năm đầu hoạt động theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định hiện hành về thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 124 của Chính phủ cho phép công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo.

Ngoài ra, theo quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ trồng trọt ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế trong suốt thời gian hoạt động. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp thường niên từ năm 2015 trở đi.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

- Công ty Cổ phần Lộc Trời – Viên Thị có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập đối với thu nhập từ sản xuất hạt giống cây trồng, nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong suốt thời gian hoạt động theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp. Thuế thu nhập đối với từ nhập từ tư vấn nông học, kỹ thuật nông nghiệp, phân phối bán buôn là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong thời gian 15 năm theo các điều khoản của luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngoài ra, theo quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, các công ty con khác có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập như sau:

- Công ty Bảo vệ thực vật An Giang – Campuchia có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.
- Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang, Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền, Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời, Công ty Cổ Phần Lộc Trời Miền Bắc, Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa và Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

### **39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ kế toán năm, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	411.572.395.440	414.287.758.267
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(61.735.859.316)	(62.122.378.365)
	349.836.536.124	352.165.379.902

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 15% lợi nhuận thuần trong năm của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Số cổ phiếu</b>
		<b>Được điều chỉnh lại (**)</b>
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	67.161.150	67.161.150
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng	13.432.190	13.432.190
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	80.593.340	80.593.340

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b> <b>Được điều</b> <b>chỉnh lại (**)</b>	<b>2017</b> <b>VND</b> <b>Theo báo cáo</b> <b>trước đây</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.341	4.370	5.243

(\*\*) Việc điều chỉnh lại phản ánh ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty cổ phần Lion Agrevo</b>		
Bán hàng hóa	31.035.786.778	-
Mua hàng hóa	5.628.000.000	-
<b>Công ty TNHH Thương Mại Quốc tế Viên Thị Lộc Trời Quảng Đông</b>		
Góp vốn	3.425.835.000	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và thù lao	12.572.809.697	14.840.720.000
<b>Thành viên của Ban Kiểm soát</b>		
Lương, thưởng và thù lao	3.377.123.667	4.697.471.967

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**41. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

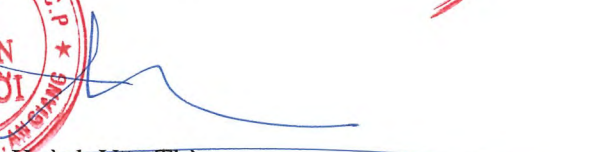
Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Huỳnh Văn Thôn  
Tổng Giám đốc



